

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15 /2013/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, thực hiện Đề án Kiên cố hóa
kênh mương thủy lợi thuộc 33 xã xây dựng nông thôn mới
tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....1791..... Ngày: 21/3/2013..... Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản; Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 17/4/2008 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 và Quyết định số 56/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các Chương trình kiên cố hoá

kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2009 - 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 156/2009/TT-BTC ngày 03/8/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn cơ chế vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện Chương trình kiên cố hoá kênh mương, đầu tư các dự án đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi thuộc 33 xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi thuộc 33 xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 383/TT-SNN&PTNT ngày 28/02/2013 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Quy chế quản lý, thực hiện đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi thuộc 33 xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 10/BC-STP ngày 30/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, thực hiện Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi thuộc 33 xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

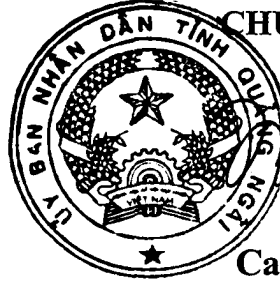
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Giám đốc

Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT;
- Vụ Pháp chế (Bộ NN&PTNT);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH Quảng Ngãi;
- VPUB: PVP (NL,CN), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak150.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Khoa

QUY CHẾ

Quản lý, thực hiện Đề án kiên cố hóa kênh mương thủy lợi thuộc 33 xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012 - 2015

*(Kèm theo Quyết định số 15 /2013/QĐ-UBND ngày 24/3/2013
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định việc quản lý, thực hiện Đề án kiên cố hóa kênh mương thủy lợi thuộc 33 xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015 (viết tắt là Đề án KCH kênh mương thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 24/10/2012.

b) Kiên cố hóa các tuyến kênh loại III ở các xã ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a, khoản này khuyến khích thực hiện theo Quy chế này.

2. Đối tượng áp dụng: Là các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng Đề án KCH kênh mương thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. KCH kênh mương: Là kênh được kiên cố bằng bê tông, bê tông cốt thép và các loại vật liệu bền vững khác.

2. Kênh loại III: Là kênh nhánh, kênh nội đồng thuộc phạm vi một xã (Phân loại theo Thông tư số 134/1999/TT-BNN-QLN ngày 25/9/1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc tổ chức thực hiện kiên cố kênh mương).

Điều 3. Phân cấp quản lý

1. Cấp quyết định đầu tư:

a) UBND huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình kiên cố hóa kênh mương loại III được ngân sách nhà nước hỗ trợ trên 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình.

b) UBND xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình kiên cố hóa kênh mương loại III được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình.

2. Chủ đầu tư:

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã (sau đây gọi tắt là Ban quản lý xã) do UBND xã quyết định thành lập là chủ đầu tư công trình KCH kênh

mương loại III trên địa bàn xã.

Trường hợp Ban quản lý xã không đủ năng lực để quản lý thì UBND huyện phân công cho Ban quản lý dự án huyện làm chủ đầu tư có sự tham gia của lãnh đạo Ban quản lý xã để thực hiện quản lý đầu tư xây dựng đúng quy định của Nhà nước.

Điều 4. Nguồn vốn đầu tư, cơ chế vốn, phương thức quản lý các nguồn vốn đầu tư

1. Nguồn vốn KCH kênh mương thực hiện theo Nghị quyết số 21/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Quảng Ngãi khóa XI - kỳ họp thứ 6; Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi thuộc 33 xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015.

2. Cơ chế vốn đầu tư:

a) Các huyện đồng bằng (Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ và Nghĩa Hành):

Vốn ngân sách Trung ương (TW), ngân sách tỉnh, chương trình (dự án) khác: 80%.

Vốn ngân sách huyện, xã và nguồn vận động nhân dân: 20%.

b) Các huyện miền núi (Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long, Trà Bồng) và huyện đảo Lý Sơn: Vốn ngân sách TW, ngân sách tỉnh, chương trình (dự án) khác 100%.

3. Phương thức quản lý vốn đầu tư:

a) Căn cứ kế hoạch vốn hàng năm được duyệt của cấp có thẩm quyền, Sở Tài chính thông báo hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện. Trên cơ sở thông báo của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách xã để thực hiện mục tiêu KCH kênh mương thủy lợi.

b) Tất cả vốn đầu tư thuộc các nguồn vốn từ ngân sách đưa vào kế hoạch đầu tư xây dựng công trình được tập trung quản lý thống nhất qua ngân sách xã, đồng thời phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước (kể cả khâu trừ kinh phí huy động từ nguồn đóng góp của nhân dân).

4. Đối với nguồn vốn đóng góp của nhân dân:

a) Các xã đồng bằng: Căn cứ vào tình hình, điều kiện cụ thể của từng địa phương, chủ đầu tư vận động nhân dân góp vốn, ngày công, vật tư vật liệu, hiến đất...; thống nhất phương thức đóng góp thông qua họp dân và lập Biên bản họp dân theo Mẫu số 01 kèm theo Quy chế này.

b) Các xã miền núi và hải đảo: Khuyến khích, động viên nhân dân tự nguyện đóng góp nguồn vốn để KCH kênh mương.

c) Các hình thức huy động nguồn đóng góp của nhân dân: Bằng tiền (Việt Nam đồng và ngoại tệ nếu có), ngày công lao động, nguyên vật liệu có sẵn tại địa phương, hiến đất do công trình chiếm chỗ và vốn hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp.

Trường hợp nguồn vốn đóng góp của nhân dân là nguyên vật liệu hoặc ngày công lao động thì được quy đổi thành tiền theo đơn giá trong dự toán được

duyet để thực hiện ghi thu, ghi chi theo quy định.

Điều 5. Thực hiện nguyên tắc công khai dân chủ

1. Căn cứ danh mục, công trình được phê duyệt trong Đề án; công trình do xã nào quản lý thì UBND xã đó có trách nhiệm thông báo cho nhân dân trong xã biết. Phương thức thông báo thực hiện theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

2. Trên cơ sở ý kiến tham gia của nhân dân trong xã được ghi trong biên bản họp dân và khả năng huy động các nguồn lực của địa phương, UBND xã xây dựng kế hoạch KCH kênh mương trên địa bàn xã, trình HĐND xã quyết định và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

3. HĐND xã, UBND xã có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã; bảo đảm cho nhân dân vùng hưởng lợi của công trình thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ tham gia đóng góp nguồn vốn, kiểm tra, giám sát tất cả các khâu trong quá trình đầu tư xây dựng công trình.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY, QUY TRÌNH, THỦ TỤC THỰC HIỆN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng

1. Ủy ban nhân dân huyện:

a) Chỉ đạo, điều hành Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới (MTQG XDNTM) của huyện và tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng KCH kênh mương trên địa bàn huyện.

b) Sử dụng bộ máy do mình thành lập và chỉ đạo các phòng, ban chức năng của huyện hướng dẫn, hỗ trợ cấp xã trong tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình.

c) Tổ chức thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình (Báo cáo KTKT) kèm theo thiết kế bản vẽ thi công (BVTC) và dự toán theo phân cấp quản lý tại Điểm a, Khoản 1, Điều 3 của Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân xã:

a) Chỉ đạo, điều hành Ban quản lý xã (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng KCH kênh mương trên địa bàn xã.

b) Sử dụng bộ máy do UBND xã thành lập và chỉ đạo các bộ phận chức năng để tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn xã.

c) Tổ chức thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT kèm theo thiết kế BVTC và dự toán theo phân cấp quản lý tại Điểm b, Khoản 1, Điều 3 của Quy chế này.

3. Ban quản lý xã:

a) Là cơ quan do UBND xã thành lập, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của chủ đầu tư.

b) Một số nhiệm vụ chủ yếu của Ban quản lý xã:

Báo cáo công khai trước nhân dân về kế hoạch đầu tư hàng năm bao gồm: Hạng mục công trình, kinh phí và nguồn vốn đầu tư trước khi triển khai xây dựng công trình.

Lập đầy đủ các thủ tục liên quan về đầu tư xây dựng, thẩm tra, thẩm định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Làm thành viên của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).

Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

Tổ chức thực hiện quản lý chất lượng, giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo đúng quy định hiện hành Nhà nước.

Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích và thanh, quyết toán vốn đầu tư đúng quy định.

Lập báo cáo tình hình thực hiện KCH kênh mương và các báo cáo tài chính, kết quả giải ngân, quyết toán tài chính và các báo cáo khác.

4. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã (sau đây gọi tắt là Ban giám sát cộng đồng xã):

Ban Giám sát cộng đồng xã do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã quyết định thành lập. Tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ báo cáo, kinh phí hoạt động của Ban Giám sát cộng đồng xã thực hiện theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng, Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và Hướng dẫn số 920/HD-SKHĐT ngày 10/10/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ngãi hướng dẫn về nghiệp vụ giám sát đầu tư của cộng đồng; lập và quản lý thực hiện kế hoạch giám sát đầu tư của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh theo Quy chế Giám sát đầu tư của cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Lập kế hoạch đầu tư và phân bổ vốn

1. UBND xã căn cứ vào yêu cầu và khả năng nguồn vốn đóng góp của địa phương để lập kế hoạch KCH kênh mương cho năm sau và lập Bản đăng ký kế hoạch KCH kênh mương theo Mẫu số 02 kèm theo Quy chế này (có thông qua HĐND xã) để đăng ký với UBND huyện trước ngày 10/9 hàng năm.

2. Trên cơ sở Bản đăng ký kế hoạch KCH kênh mương của các xã, UBND huyện tổng hợp kế hoạch KCH kênh mương toàn huyện và trình UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT) trước ngày 10/10 hàng năm để đăng ký bố trí vốn ngân sách đầu tư.

3. Sau khi có quyết định phân bổ kế hoạch vốn của UBND tỉnh, UBND huyện tập hợp các nguồn vốn và phân bổ kế hoạch vốn cho từng xã, đồng thời ra thông báo chấp thuận bản đăng ký kế hoạch KCH kênh mương của các xã theo Mẫu số 03 kèm theo Quy chế này.

4. UBND xã chỉ đạo Ban quản lý xã phân bổ vốn cho từng công trình KCH kênh mương để thực hiện.

Điều 8. Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo KTKT, thiết kế BVTC và dự toán công trình

1. Lập báo cáo KTKT, thiết kế BVTC và dự toán công trình:

a) Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư hàng năm đã được bố trí (vốn ngân sách TW, tỉnh, huyện, xã và vốn đóng góp của dân), chủ đầu tư lựa chọn và ký hợp đồng với tư vấn thiết kế để lập báo cáo KTKT, thiết kế BVTC và dự toán công trình. Đơn vị tư vấn được chọn phải có giấy phép hành nghề, có năng lực phù hợp theo quy định.

b) Nội dung báo cáo KTKT bao gồm: Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật xây dựng công trình, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn kèm theo hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán công trình.

c) Về thiết kế BVTC: Quy mô, khối lượng và chất lượng bảo đảm các quy định về dự toán và thiết kế mẫu được ban hành theo Quyết định số 1678/QĐ-UB ngày 04/6/2002 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - thi công định hình KCH kênh tưới các loại $F_{tưới} = 10 \div 100ha$ thuộc Dự án tổng thể KCH kênh mương thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2002-2005 được tiếp tục áp dụng cho giai đoạn 2012-2015. Nếu điều kiện cụ thể không áp dụng được thiết kế mẫu thì tự thiết kế.

d) Về Dự toán: Lập theo các quy định hiện hành của Nhà nước và UBND tỉnh.

2. Thẩm định và phê duyệt báo cáo KTKT: Thực hiện theo Điểm b, Khoản 7, Điều 10 của Thông tư số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của liên Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

Điều 9. Thực hiện đầu tư

1. Lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Thực hiện theo Khoản 8, Điều 10 của Thông tư số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của liên Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Trong đó khuyến khích ưu tiên giao cho các tổ, đội xây dựng hoặc hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trong xã có đủ năng lực (có đăng ký kinh doanh) để thi công xây dựng công trình, đảm bảo phương châm “xã có công trình, dân có việc làm”.

2. Chủ đầu tư thương thảo, ký hợp đồng với nhà thầu xây dựng để thi công công trình và tổ chức theo dõi, quản lý, điều hành, giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình theo tiến độ hợp đồng đã ký kết đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng.

Điều 10. Bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có)

1. UBND xã tuyên truyền, vận động, khuyến khích nhân dân tham gia hiến đất và tự giải phóng mặt bằng để đảm bảo tiến độ thi công xây dựng công trình.

2. Trường hợp trong quá trình thi công xây dựng công trình có phát sinh bồi thường, giải phóng mặt bằng thì thực hiện theo qui định của pháp luật và quy định của UBND tỉnh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 11. Giám sát thi công xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát (khi chủ đầu tư thuê) thực hiện việc giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo các quy định có liên quan đến công tác giám sát, quản lý chất lượng công trình.

2. Ban Giám sát cộng đồng xã: Thực hiện giám sát theo quy định tại Khoản 4, Điều 6 của Quy chế này.

Điều 12. Nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng.

a) Thành phần tham gia nghiệm thu: Chủ đầu tư, tổ chức tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu xây dựng, Ban Giám sát cộng đồng xã, đại diện UBND huyện, xã và đơn vị được giao quản lý khai thác công trình.

b) Nội dung nghiệm thu được lập thành biên bản: Xác nhận sự phù hợp về các kết cấu bộ phận, khối lượng và chất lượng công trình xây dựng bảo đảm đúng theo hồ sơ thiết kế BVTCT được duyệt, đủ điều kiện để tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng.

c) Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng phải có chữ ký xác nhận chức danh, đóng dấu (nếu có) của các thành phần tham gia nghiệm thu, bàn giao công trình.

2. Công trình được nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng là cơ sở để lập hồ sơ thanh, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

Điều 13. Lập hồ sơ hoàn công

1. Hồ sơ hoàn công được lập ngay sau khi nghiệm thu hoàn thành và trước khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

2. Nhà thầu xây dựng chịu trách nhiệm chính lập hồ sơ hoàn công; Chủ đầu tư và tư vấn giám sát kỹ thuật thi công chịu trách nhiệm kiểm tra và phối hợp thực hiện hoàn chỉnh hồ sơ hoàn công theo quy định.

3. Nội dung hồ sơ hoàn công:

Phần I: Các văn bản, tài liệu liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Phần II: Các văn bản, tài liệu liên quan trong giai đoạn thực hiện đầu tư.

Phần III: Hồ sơ bản vẽ hoàn công công trình.

4. Hồ sơ hoàn công được lập thành 05 bộ: Sử dụng để lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công trình (02 bộ), lưu trữ tại cơ quan chủ đầu tư (01 bộ), UBND xã (01 bộ) và đơn vị nhận bàn giao công trình (01 bộ).

Điều 14. Đơn vị quản lý, khai thác sử dụng công trình:

UBND xã tiếp nhận bàn giao và giao cho tổ chức hợp tác dùng nước thực

hiện quản lý khai thác công trình theo Pháp lệnh Khai thác bảo vệ công trình thủy lợi và theo quy định của UBND tỉnh.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, CẤP PHÁT, THANH, QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HÀNG NĂM

Điều 15. Đối với UBND tỉnh

Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư KCH kênh mương hàng năm cho UBND các huyện quản lý (bao gồm các nguồn vốn ngân sách TW, ngân sách tỉnh và Chương trình dự án khác).

Điều 16. Đối với UBND huyện

1. Là đầu mối tiếp nhận kế hoạch vốn hỗ trợ của ngân sách TW và ngân sách tỉnh đầu tư cho KCH kênh mương.

2. Căn cứ vào chỉ tiêu vốn được giao theo kế hoạch, phải cân đối nguồn vốn ngân sách huyện cho mục tiêu KCH kênh mương hàng năm để phân bổ đồng thời cùng với kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ cho UBND xã thông qua Kho bạc Nhà nước huyện.

3. Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước huyện, các phòng chức năng của huyện thực hiện thẩm tra, quản lý, kiểm soát tình hình cấp phát, giải ngân vốn đầu tư.

Điều 17. Đối với UBND xã

1. Căn cứ vào kinh phí được UBND huyện phân bổ, cân đối nguồn vốn ngân sách xã, vốn nhân dân và các tổ chức, cá nhân khác đóng góp để phân bổ vốn đúng mục tiêu đầu tư xây dựng KCH kênh mương thủy lợi của địa phương.

2. Chỉ đạo Ban Quản lý xã thực hiện quản lý, sử dụng vốn KCH kênh mương có hiệu quả, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và thực hiện quyết toán các nguồn vốn đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác ở xã.

Điều 18. Đối với Ban quản lý xã

1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của chủ đầu tư từ khâu xây dựng kế hoạch, tổ chức huy động nguồn lực, quản lý thanh quyết toán vốn đầu tư.

2. Đăng ký mở mã dự án tại Sở Tài chính và mở tài khoản dự án tại Kho bạc Nhà nước huyện để thực hiện các giao dịch trong việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư KCH kênh mương. Cung cấp tài liệu liên quan theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước để thực hiện việc kiểm soát, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư. Chuyển vào tài khoản đã mở toàn bộ các nguồn vốn đầu tư KCH kênh mương (kể cả nguồn vốn vận động nhân dân và vốn khác) và thực hiện các giao dịch tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình thông qua việc kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước.

3. Lập hồ sơ báo cáo quyết toán công trình chậm nhất sau 03 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng và trình người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Nội dung

chi tiết thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, UBND các huyện chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các xã thực hiện hoàn thành Đề án, đồng thời là đầu mối tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Đề án KCH kênh mương thủy lợi thuộc 33 xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư KCH kênh mương hàng năm cho các huyện, bảo đảm hoàn thành mục tiêu của Đề án; thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án với Đề án KCH kênh mương 2012-2015 để công trình phát huy hiệu quả đồng bộ.

3. Sở Tài chính:

a) Thông báo hỗ trợ vốn có mục tiêu KCH kênh mương cho ngân sách huyện trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch vốn do UBND tỉnh phê duyệt.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh về việc cấp phát vốn; hướng dẫn các địa phương thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Quảng Ngãi:

Phối hợp với các địa phương để sắp xếp lịch cắt nước phục vụ thi công xây dựng công trình đảm bảo không ảnh hưởng đến lịch sản xuất thời vụ; hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương quản lý kỹ thuật đối với KCH kênh loại III trong hệ thống thủy lợi do Công ty quản lý để phát huy hiệu quả công trình đồng bộ.

Điều 20. Trách nhiệm của UBND cấp huyện và cấp xã

UBND huyện, UBND xã có trách nhiệm tổ chức quản lý việc thực hiện đầu tư xây dựng KCH kênh mương theo quy định tại Điều 3, Điều 6, Điều 16 và Điều 17 của Quy chế này.

Điều 21. Chế độ thông tin báo cáo

1. Các loại báo cáo và đơn vị lập báo cáo:

a) Ban quản lý xã lập báo cáo định kỳ quý I, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án KCH kênh mương 2012-2015 gửi UBND huyện, xã theo Mẫu số 04 kèm theo Quy chế này. Đồng thời đề xuất kế hoạch thực hiện KCH cho kỳ tiếp theo, năm sau (kể cả nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch Đề án và các danh mục ưu tiên đầu tư).

b) Ban quản lý xã lập báo cáo quyết toán theo quy định của Bộ Tài chính

và trình người quyết định đầu tư phê duyệt theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Quy chế này.

c) Ban Giám sát cộng đồng xã lập báo cáo định kỳ 6 tháng và 1 năm và gửi về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, HĐND xã, UBND xã và UBND huyện. Nội dung báo cáo theo mẫu Phụ lục số 1 của Hướng dẫn số 920/HD-SKHĐT ngày 10/10/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ngãi.

d) UBND huyện chỉ đạo Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG XDNTM, các phòng chức năng của huyện, UBND xã, chủ đầu tư lập các loại báo cáo định kỳ và tổng hợp tình hình thực hiện KCH kênh mương gửi UBND tỉnh qua các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư.

2. Thời gian gửi báo cáo:

a) Báo cáo quý I, 9 tháng: Gửi trước ngày 10 tháng đầu của quý tiếp theo.

b) Báo cáo 6 tháng, 1 năm: Gửi vào tuần thứ 2 tháng đầu của quý tiếp theo.


c) Báo cáo tổng hợp giai đoạn 2012-2015: Gửi vào tuần thứ 2 của tháng 01/2016.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, các xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, phòng, ban liên quan và Ban quản lý xã nghiêm túc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, bất cập hoặc chưa phù hợp với thực tế của địa phương thì lập báo cáo kiến nghị, đề xuất giải pháp trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung (qua Sở Nông nghiệp và PTNT)./.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
HỦ TỊCH



Cao Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Về việc thực hiện đầu tư xây dựng KCH kênh mương thủy lợi loại III

Hôm nay, vào lúcgiờphút, ngày tháng năm 201..., tạixã.....; UBND và Ban Quản lý xã tổ chức họp bàn việc thực hiện đầu tư xây dựng KCH kênh mương loại III của xã.

I. Thành phần dự họp:

1. Đại diện UBND xã, Ban quản lý xã, Ban Giám sát cộng đồng xã, các hội, đoàn thể xã:

- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

2. Thôn trưởng, Tổ, đội trưởng trong vùng hưởng lợi dự án:

- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

3. Đại diện nhân dân trong vùng hưởng lợi dự án:

- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

4. Chủ trì cuộc họp (Ông, bà): Chức vụ:.....

5. Thư ký cuộc họp (Ông, bà):Chức vụ:.....

II. Nội dung cuộc họp:

Đại diện UBND và Ban quản lý xã phổ biến các quy định về việc thực hiện kiên cố hóa kênh mương thủy lợi loại III trên địa bàn xã; nêu trách nhiệm, quyền hạn của nhân dân và xã trong việc quản lý, tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình để các đại biểu và đại diện nhân dân dự họp tham gia góp ý. Cuộc họp đã thảo luận và đi đến thống nhất các nội dung sau:

1. Tên tuyến kênh kiên cố hóa:, có danh mục KH đầu tư năm: thuộc Đề án KCH kênh mương thủy lợi giai đoạn 2012-2015.

2. Địa điểm xây dựng: Tổ (đội, thôn)....., thuộc xã.....

3. Chiều dài kiên cố hóa:..... mét bằng bê tông (hoặc đá xây)
4. Diện tích tưới (hoặc tiêu) trước và sau kiên cố hóa:ha/..... ha.
5. Cấp nước sinh hoạt:người/.....hộ.
6. Khái toán vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư:
 - Tổng kinh phí dự toán được duyệt:triệu đồng
 - Nguồn vốn đầu tư:
 - + Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ: triệu đồng, tỷ lệ: %
 - + Ngân sách huyện hỗ trợ: triệu đồng, tỷ lệ: %
 - + Ngân sách xã đóng góp: triệu đồng, tỷ lệ: %
 - + Vốn đóng góp của nhân dân: triệu đồng, tỷ lệ: %
7. Phương thức đóng góp của nhân dân: Sẽ được xác định cụ thể trong quá trình thi công xây dựng.
8. Các ý kiến khác:

III. Kết luận:

1. Thống nhất huy động vốn từ các nguồn đóng góp của xã, nhân dân cùng với nguồn vốn hỗ trợ Ngân sách tỉnh và huyện để thực hiện đầu tư xây dựng kiên cố tuyến kênh nhằm phát huy hiệu quả tưới (hoặc tiêu) cho diện tích:ha lúa,ha mía (màu) của nhân dân.

2. UBND xã có trách nhiệm chỉ đạo Ban quản lý xã chủ trì phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, các tổ (đội, thôn) thực hiện huy động các nguồn lực và quản lý thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của UBND tỉnh, huyện.

Cuộc họp kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, Biên bản này đã được đọc cho tất cả các thành viên dự họp cùng nghe, thống nhất thông qua và được lập thành 07 bản có giá trị như nhau; đại diện nhân dân 01 bản, UBND xã 01 bản, Ban quản lý xã 01 bản, UBND và các phòng ban của huyện 03 bản, lưu hồ sơ thiết kế công trình (là tài liệu bắt buộc) 01 bản./.

ĐD UBND XÃ
(ký tên, đóng dấu)

**ĐD CÁC HỘI, ĐOÀN THỂ, BAN GIÁM SÁT
ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG XÃ**
(ký tên)

TỔ (ĐỘI, THÔN) TRƯỞNG
(ký tên)

ĐẠI DIỆN NHÂN DÂN
(ký tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(ký tên)

THƯ KÝ
(ký tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201....

**BẢN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH
KIÊN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG LOẠI III NĂM**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ Biên bản họp dân ngày/...../201....., UBND xã.....
đăng ký kế hoạch xây dựng KCH kênh mương loại III, với các nội dung sau:

1. Tên tuyến kênh KCH:, có danh mục KH đầu tư
năm: của Đề án KCH kênh mương thủy lợi giai đoạn 2012-2015.

2. Địa điểm xây dựng: Tổ (đội, thôn)....., thuộc xã.....

3. Chiều dài kiên cố hóa:.....mét

4. Diện tích tưới (hoặc tiêu) trước và sau kiên cố hóa:ha/..... ha;

Và cấp nước sinh hoạt:người/.....hộ.

5. Quy mô kỹ thuật:

- Kích thước mặt cắt ngang kênh chữ nhật (bxh):(cm).

- Kênh mặt cắt hình thang (bxh)m :(cm); m: mái dốc kênh.

- Tổng số công trình trên kênh:cái (Bao gồm: cống tưới (*cống lấy nước*);cống tiêu;tràn vào/tràn ra; cống điều tiết;công trình khác).

- Kết cấu công trình:

+ Bê tông cốt thép Mac M150, M200:.....

+ Đá xây:.....

+ Gạch xây:.....

- Ước khối lượng xây dựng chủ yếu:

+ Đất đào/đắp:/..... (m³).

+ Bê tông và bê tông cốt thép/đá xây, lát:/..... (m³).

6. Khái toán vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư:

- Tổng kinh phí dự toán được duyệt:triệu đồng

- Nguồn vốn đầu tư:

+ Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ: triệu đồng, tỷ lệ: %

+ Ngân sách huyện hỗ trợ: triệu đồng, tỷ lệ: %

+ Ngân sách xã đóng góp: triệu đồng, tỷ lệ: %

+ Vốn đóng góp của nhân dân: triệu đồng, tỷ lệ: %

7. Chủ đầu tư: Ban quản lý xã

8. Thời gian thực hiện:

UBND xã kính đề nghị UBND huyện sớm thông báo chấp thuận Bản đăng ký kế hoạch đầu tư KCH kênh mương để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận

- Như trên;

-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TB-UBND , ngày tháng năm 201...

THÔNG BÁO

Chấp thuận Bản đăng ký kế hoạch thực hiện kiên cố hóa kênh mương loại III

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

UBND huyện thống nhất nội dung Bản đăng ký kế hoạch như sau:

1. Tên tuyến kênh KCH: , có danh mục KH đầu tư năm: của Đề án KCH kênh mương thủy lợi giai đoạn 2012-2015.
2. Địa điểm xây dựng: Tổ (đội, thôn)....., thuộc xã.....
3. Chiều dài kiên cố hóa:.....mét
4. Diện tích tưới (hoặc tiêu) trước và sau kiên cố hóa:ha/..... ha;
Và cấp nước sinh hoạt:người/.....hộ.
5. Quy mô kỹ thuật:
 - Kích thước mặt cắt ngang kênh chữ nhật (bxh):(cm).
 - Kênh mặt cắt hình thang (bxh)m :(cm); m: mái dốc kênh.
 - Tổng số công trình trên kênh:cái (Bao gồm: công tưới (công lấy nước);công tiêu;tràn vào/tràn ra; công điều tiết;công trình khác).
 - Kết cấu công trình:
 - + Bê tông cốt thép Mac M150, M200:.....
 - + Đá xây:.....
 - + Gạch xây:.....
 - Ước khối lượng xây dựng chủ yếu:
 - + Đất đào/đắp:/..... (m³).
 - + Bê tông và bê tông cốt thép/đá xây, lát:/..... (m³).
6. Khái toán vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư:
 - Tổng kinh phí dự toán được duyệt:triệu đồng
 - Nguồn vốn đầu tư:
 - + Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ: triệu đồng, tỷ lệ: %
 - + Ngân sách huyện hỗ trợ: triệu đồng, tỷ lệ: %
 - + Ngân sách xã đóng góp: triệu đồng, tỷ lệ: %
 - + Vốn đóng góp của nhân dân: triệu đồng, tỷ lệ: %
7. Chủ đầu tư: Ban quản lý xã
8. Thời gian thực hiện:

UBND huyện giao cho UBND xã căn cứ vào các quy định có liên quan và nội dung Thông báo này để triển khai các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận

- Như trên;
-
-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Biểu mẫu báo cáo định kỳ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ KẾ HOẠCH KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG THỦY LỢI (QUÝ I, 6 THÁNG, 9 THÁNG, NĂM
XÃ, HUYỆN

TT	Danh mục kênh/Nội dung báo cáo	Địa điểm XD (xã, huyện)	Loại kênh	Tên tuyến kênh	Chiều dài KCH (m)	Diện tích tưới, cấp nước			Khối lượng chủ yếu				Kế hoạch vốn đầu tư XD (tr.đồng)	Phân theo nguồn vốn (tr.đồng)		Ghi chú
						Thực tế (ha)	Sau KCH (ha)	Cấp nước s.hoạt, CN,ch.nuôi...	Đất đào, đắp (m ³)	Đá xây, lát (m ³)	Bê tông các loại (m ³)	Cốt thép (tấn)		Ngân sách TW, tỉnh, CTMTQG	NS huyện, xã và vốn đóng góp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	KẾT QUẢ THỰC HIỆN (Tổng cộng)															
1	...															
2	...															
	...															
B	KẾ HOẠCH (Tổng cộng)															
1	...															
2	...															
	...															

* Lưu ý: Kế hoạch (của quý, 6 tháng, 9 tháng, năm sau)

Đơn vị lập, người lập
(Ký tên, đóng dấu)

LÃNH ĐẠO UBND XÃ, HUYỆN
(Ký tên và đóng dấu)